

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Ngọc Thắng
Ông Trần Minh Hoàng
Ông Phạm Quang Huy
Ông Nguyễn Việt Hà
Ông Nguyễn Hoàng Nam
Ông Vũ Thành Lê
Ông Đỗ Tuấn Bình
Ông Trịnh An Huy
Ông Nguyễn Anh Tuấn
Bà Hà Lan

Chủ tịch
Ủy viên (bổ nhiệm ngày 28/01/2010)
Ủy viên (bổ nhiệm ngày 26/5/2010)
Ủy viên (bổ nhiệm ngày 26/5/2010)
Ủy viên (bổ nhiệm ngày 26/5/2010)
Ủy viên (bổ nhiệm ngày 28/01/2010, miễn nhiệm ngày 26/5/2010)
Ủy viên (bổ nhiệm ngày 28/01/2010, miễn nhiệm ngày 26/5/2010)
Ủy viên (miễn nhiệm ngày 26/5/2010)
Ủy viên (miễn nhiệm ngày 28/01/2010)
Ủy viên (miễn nhiệm ngày 28/01/2010)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Quang Huy
Ông Trần Hùng Dũng
Ông Nguyễn Xuân Hưng
Bà Hoàng Hải Anh
Ông Trần Xuân Nam

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09/8/2010)
Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11/8/2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Quang Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2011

300 - C
CÔNG TY
HỮU HẠ
TTE
NAM
TP. HÀ

C. T. C
TY C
AN
KHỎAN
KHÍ
TP. HÀ

Số: 244 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 19. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý tới Thuyết minh số 24 - "Số liệu so sánh" của phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh của Công ty tại ngày 31/12/2008 được trích lập dựa trên giá ước tính có thể giao dịch được. Nếu Công ty ghi nhận khoản dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh theo các quy định hiện hành tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008, lợi nhuận trước thuế của năm 2008 sẽ giảm đi 91.020.634.400 đồng và lợi nhuận trước thuế của năm 2009 (số liệu so sánh) sẽ tăng lên một khoản tương ứng.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 18 tháng 01 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đặng Văn Khải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0758/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 01-CTCK
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.615.225.424.430	1.017.438.378.066
(100=110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	669.525.119.879	337.412.062.234
1. Tiền	111		609.825.119.879	331.412.062.234
2. Các khoản tương đương tiền	112		59.700.000.000	6.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	628.959.695.317	497.046.152.182
1. Đầu tư ngắn hạn	121		654.177.994.428	499.051.504.980
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(25.218.299.111)	(2.005.352.798)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		307.781.638.062	180.191.913.096
1. Phải thu khách hàng	131	7	27.610.019.247	50.757.916.302
2. Trả trước cho người bán	132		2.508.511.049	394.193.422
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	8	30.723.595.000	28.972.060.000
4. Các khoản phải thu khác	138	9	246.939.512.766	100.067.743.372
IV. Hàng tồn kho	140		451.901.600	2.349.999
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.507.069.572	2.785.900.555
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.675.856.882	2.133.214.040
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.403.569	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	85.580.739
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.820.809.121	567.105.776
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		90.291.443.118	68.386.901.159
I. Tài sản cố định	220		26.095.536.358	17.757.986.865
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	15.891.888.990	10.513.183.269
- Nguyên giá	222		23.151.916.716	14.953.671.007
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.260.027.726)	(4.440.487.738)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	5.929.368.618	1.246.867.596
- Nguyên giá	228		8.347.933.480	1.925.250.830
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.418.564.862)	(678.383.234)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		4.274.278.750	5.997.936.000
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	55.000.000.000	48.232.100.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		55.000.000.000	51.714.600.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(3.482.500.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		9.195.906.760	2.396.814.294
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.170.640.308	-
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		1.299.526.404	880.817.684
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.725.740.048	1.515.996.610
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.705.516.867.548	1.085.825.279.225

10011
CỘNG
HẠCH NHI
ĐẠI
VIỆT
ĐẠI

2
CỘNG
CỘNG
TỔNG
ĐẠI

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 01-CTCK
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		1.107.477.656.243	664.036.000.648
I. Nợ ngắn hạn	310		1.107.338.656.243	664.036.000.648
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	300.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		83.511.440	45.275.000
3. Người mua trả tiền trước	313		1.242.403.476	265.706.645
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	4.030.431.133	286.233.615
5. Phải trả người lao động	315		1.144.688.010	5.835.943.488
6. Chi phí phải trả	316		8.938.402.558	19.101.907.076
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		414.335.749.094	195.396.879.823
8. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		21.199.852.897	6.390.215.213
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		208.216.128	(424.347.918)
10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	14	656.155.401.507	137.138.187.706
11. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	339		139.000.000	-
B - NGUỒN VỐN (400=410)	400	15	598.039.211.305	421.789.278.577
I. Vốn chủ sở hữu	410		598.039.211.305	421.789.278.577
1. Vốn điều lệ	411		509.250.000.000	397.250.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		27.055.378.000	22.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.740.232.026	257.656.762
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		54.993.601.279	2.281.621.815
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.705.516.867.548	1.085.825.279.225

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

	Mã số	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
1. Chứng khoán lưu ký	006	5.669.891.200.000	1.696.867.730.000
1.1. Chứng khoán giao dịch	007	4.288.796.340.000	1.696.867.730.000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	39.303.810.000	1.373.720.000
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	4.247.727.730.000	1.695.494.010.000
1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	1.764.800.000	-
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	1.341.524.720.000	-
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	1.341.524.720.000	-
1.3. Chứng khoán cầm cố	017	10.000.000.000	-
1.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	10.000.000.000	-
1.4. Chứng khoán chờ thanh toán	027	28.824.500.000	-
1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	9.800.000	-
1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong	029	28.814.700.000	-
1.5. Chứng khoán chờ giao dịch	037	745.640.000	-
1.5.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	340.000	-
1.5.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong	039	745.300.000	-
2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	618.003.720.000	7.521.300.000
3. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	93.762.460.000	76.466.770.000



Phạm Quang Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2011

Trần Ngọc Đốc
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01		258.656.043.296	156.936.105.590
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		28.247.400.990	10.229.770.987
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		82.343.172.104	81.699.168.316
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		5.950.578.000	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		18.181.140.043	2.329.872.819
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		4.635.466.389	1.277.129.989
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	127.935.205
Doanh thu khác	01.9	16	119.298.285.770	61.272.228.274
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		258.656.043.296	156.936.105.590
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	17	107.472.357.694	122.438.439.021
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		151.183.685.602	34.497.666.569
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		65.498.335.677	32.201.896.210
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		85.685.349.925	2.295.770.359
8. Thu nhập khác	31		1.200.000	154.039.008
9. Chi phí khác	32		11.044.682	-
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(9.844.682)	154.039.008
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		85.675.505.243	2.449.809.367
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	20.746.252.597	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		64.929.252.646	2.449.809.367
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.418	78,30



Phạm Quang Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2011

Trần Ngọc Đốc
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	85.675.505.243	2.449.809.367
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.559.721.616	2.641.056.058
Các khoản dự phòng	03	19.730.446.313	(27.989.630.038)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.690.494.854)	(25.567.705.322)
Chi phí lãi vay	06	41.283.080.922	17.033.333.333
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	148.558.259.240	(31.433.136.602)
(Tăng) các khoản phải thu	09	(200.464.418.466)	(35.409.887.888)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(449.551.601)	219.896.310
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	748.688.915.590	200.793.200.745
(Tăng) chi phí trả trước	12	(40.429.005.273)	(47.050.920.357)
Tiền lãi vay đã trả	13	(54.811.424.356)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(17.790.720.674)	(85.580.739)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7.311.877.310)	(20.767.363)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>575.990.177.150</i>	<i>87.012.804.106</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(8.622.992.359)	(12.812.775.788)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(55.000.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.690.494.854	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(60.932.497.505)</i>	<i>(12.812.775.788)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	117.055.378.000	132.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(300.000.000.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(182.944.622.000)</i>	<i>132.000.000.000</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	<i>332.113.057.645</i>	<i>206.200.028.318</i>
Tiền và tương đương tiền tồn đầu năm	60	337.412.062.234	131.212.033.916
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</i>	70	<i>669.525.119.879</i>	<i>337.412.062.234</i>



Phạm Quang Huy
Tổng Giám đốc

Trần Ngọc Đốc
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cùng với các cổ đông chiến lược khác thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103014903 ngày 14 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 26/UBCK-GPHĐKD ngày 19 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 150.000.000.000 đồng.

Ngày 10 tháng 7 năm 2008, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 140/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 150.000.000.000 đồng lên 287.250.000.000 đồng.

Theo Quyết định số 444/QĐ-UBCK ngày 28 tháng 7 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ đã góp vào Công ty cho Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam.

Ngày 25 tháng 01 năm 2010, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 298/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 287.250.000.000 đồng lên 397.250.000.000 đồng.

Ngày 11 tháng 6 năm 2010, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép sửa đổi số 331/UBCK-GP. Theo đó, vốn điều lệ đăng ký của Công ty tăng từ 397,25 tỷ đồng lên 485 tỷ đồng.

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2010 số 02/NQ-ĐHĐCĐ-CKDK ngày 26 tháng 5 năm 2010 thông qua Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí lên 1.018,5 tỷ đồng. Thời điểm phát hành dự kiến Quý 2 và Quý 3/2010 sau khi đã được UBCKNN phê duyệt và sau khi Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 1.018,5 tỷ đồng đã được Công ty trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được chấp thuận trong Công văn số 683/UBCK-QLKD ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí.

Ngày 24 tháng 9 năm 2010, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận số 6153/UBCK-GCN chứng nhận việc Công ty được phép chào bán 2.425.000 cổ phiếu phổ thông cho cán bộ công nhân viên và 50.925.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Ngày 23 tháng 9 năm 2010, Hội đồng Quản trị có Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT-CKDK thông qua danh sách cán bộ công nhân viên Công ty (sửa đổi, bổ sung) đính kèm Quy chế phát hành cổ phiếu theo Nghị quyết số 08.

Ngày 19 tháng 10 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT-CKDK thông qua vốn điều lệ của Công ty là 509.250.000.000 đồng, theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí số 683/UBCK-GCN ngày 24 tháng 9 năm 2010 của UBCKNN, số lượng đợt 1 chào bán cho CBNV là 2.425.000 cổ phiếu.

Ngày 27 tháng 10 năm 2010, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép sửa đổi số 363/UBCK-GP. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty được đăng ký là 509.250.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 248 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 136 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 20 tháng 10 năm 2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 162/2010/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư số 162/2010/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm về phân loại và trình bày, sửa đổi mã số và cơ sở lấy dữ liệu để lập một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Công ty sẽ thực hiện áp dụng Thông tư này kể từ năm 2011, theo đó, báo cáo tài chính năm 2009 và năm 2010 được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC nêu trên.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là các khoản đặt cọc cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư ngắn hạn khác của Công ty. Đầu tư ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm hình thức "hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý danh mục đầu tư, ủy thác quản lý vốn" với nhà đầu tư. Theo đó lợi nhuận phân chia cho Công ty không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của nhà đầu tư; Công ty được hưởng lợi nhuận theo tỷ lệ cố định trên phần vốn hợp tác của mình, theo số ngày thực tế hợp tác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư ngắn hạn (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư được Công ty vận dụng theo như hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo đó:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết, Công ty áp dụng giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HNX và giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HOSE.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết, dự phòng giảm giá cho các chứng khoán được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về giá trị suy giảm của các cổ phiếu, dựa trên việc tham khảo báo giá của 3 công ty chứng khoán khác do Công ty thu thập bao gồm: Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt và Công ty Cổ phần Chứng khoán MHB.
- Đối với hoạt động hợp tác đầu tư, dự phòng giảm giá cho được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc đối với từng hợp đồng hợp tác đầu tư phù hợp với điều kiện thị trường chứng khoán tại thời điểm trích lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

Giá gốc của các khoản đầu tư xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, phải thu về ủy thác quản lý vốn, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hệ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư.

Doanh thu

Hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ; lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu (Tiếp theo)

Hoạt động bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

Hoạt động tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Hoạt động ủy thác đầu giá

Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi kỳ phiếu ngân hàng, lãi thu được từ hợp đồng bán chứng khoán. Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Trong năm, Công ty đã ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá rằng lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Theo biên bản thanh tra thuế ngày 21 tháng 7 năm 2008 của Tổng cục thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2007 được xác định trên cơ sở số liệu trước khi Công ty điều chỉnh hồi tố báo cáo số liệu trong báo cáo tài chính năm 2008. Ngày 8 tháng 7 năm 2010, Cục thuế Hà Nội đã xác nhận Công ty không nợ tiền thuế và tiền phạt đến ngày này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty không cần phải lập dự phòng khoản thuế nói trên.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	785.099.089	681.686.323
Tiền gửi ngân hàng	597.890.912.505	322.257.841.153
Trong đó: Tiền gửi của Nhà đầu tư	408.916.492.769	189.657.491.382
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	11.149.108.285	8.472.534.758
Trong đó: Tiền gửi của Nhà đầu tư	6.459.427.176	8.160.988.031
Các khoản tương đương tiền	59.700.000.000	6.000.000.000
	669.525.119.879	337.412.062.234

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Chứng khoán kinh doanh		
Cổ phiếu chưa niêm yết	84.011.297.788	14.800.000.000
Cổ phiếu niêm yết	72.443.981.979	1.719.397.780
Trái phiếu	102.000.000	102.000.000
	156.557.279.767	16.621.397.780
Đầu tư ngắn hạn khác		
Hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn, ủy thác quản lý danh mục đầu tư	471.974.634.661	482.430.107.200
Hợp đồng mua chứng khoán có kỳ hạn	24.646.080.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	1.000.000.000	-
	497.620.714.661	482.430.107.200
Trừ: Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Dự phòng chứng khoán chưa niêm yết	(2.742.730.028)	(1.920.000.000)
Dự phòng chứng khoán niêm yết	(13.913.100.376)	(85.352.798)
Dự phòng hợp tác đầu tư	(8.562.468.707)	-
	(25.218.299.111)	(2.005.352.798)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	628.959.695.317	497.046.152.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư	8.250.783.913	50.757.916.302
Phải thu dịch vụ tư vấn	10.149.555.323	-
Phải thu ủy thác quản lý vốn	6.804.405.001	-
Phải thu khác	2.405.275.010	-
	27.610.019.247	50.757.916.302

8. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Phải thu Sở Giao dịch chứng khoán	1.915.000	928.570.000
Phải thu tổ chức phát hành, bảo lãnh phát hành chứng khoán	30.721.680.000	28.043.490.000
	30.723.595.000	28.972.060.000

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn	-	72.114.615.000
Phải thu phần trúng đấu giá từ hợp đồng ủy thác đấu giá	-	21.931.178.800
Tiền đặt cọc đấu giá của Công ty	-	3.517.500.000
Xử lý lỗi giao dịch	-	120.291.000
Ứng tiền mua gom trái phiếu cho đối tác (i)	77.000.000.000	-
Phải thu theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư	35.500.000.000	-
Hợp đồng tiền gửi (ii)	130.000.000.000	-
Lãi dự thu tiền gửi	1.985.777.779	-
Phải thu khác	2.453.734.987	2.384.158.572
	246.939.512.766	100.067.743.372

- (i) Phản ánh khoản ứng trước theo hợp đồng giữa Công ty và đối tác, trong đó thỏa thuận đối tác sẽ thay mặt cho Công ty mua gom trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Doanh nghiệp và được hưởng phí dịch vụ trên tổng giá trị giao dịch thực tế. Hết thời hạn hiệu lực của hợp đồng, nếu không có khả năng tìm được người bán trái phiếu cho Công ty theo thỏa thuận, hoặc giá trị môi giới thực tế nhỏ hơn số tiền đặt cọc, hoặc Công ty có nhu cầu chấm dứt hợp đồng trước hạn, Công ty có thể thông báo bằng văn bản và đối tác sẽ có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty số tiền đặt cọc còn lại của Công ty trong vòng một ngày kể từ ngày hết hạn hiệu lực hợp đồng hoặc thời điểm nhận được thông báo chấm dứt Hợp đồng trước hạn của Công ty.
- (ii) Số dư hợp đồng tiền gửi phản ánh giá trị các hợp đồng tiền gửi ngắn hạn theo yêu cầu của đối tác và Công ty được hưởng tỷ lệ % phí dịch vụ quản lý.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu, ứng trước nêu trên và khẳng định không có khoản nào suy giảm giá trị cần trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	12.284.368.007	2.669.303.000	14.953.671.007
Tăng trong năm	7.201.836.209	996.409.500	8.198.245.709
Phân loại lại	(81.075.000)	81.075.000	-
Tại ngày 31/12/2010	19.405.129.216	3.746.787.500	23.151.916.716
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	3.853.180.477	587.307.261	4.440.487.738
Khấu hao trong năm	2.717.283.472	383.243.688	3.100.527.160
Điều chỉnh khác	(294.820.900)	13.833.728	(280.987.172)
Tại ngày 31/12/2010	6.275.643.049	984.384.677	7.260.027.726
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2009	8.431.187.530	2.081.995.739	10.513.183.269
Tại ngày 31/12/2010	13.129.486.167	2.762.402.823	15.891.888.990

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm ứng dụng VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	1.925.250.830	-	1.925.250.830
Tăng trong năm	6.122.682.650	300.000.000	6.422.682.650
Tại ngày 31/12/2010	8.047.933.480	300.000.000	8.347.933.480
KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	678.383.234	-	678.383.234
Khấu hao trong năm	1.431.129.940	28.064.516	1.459.194.456
Điều chỉnh khác	280.987.172	-	280.987.172
Tại ngày 31/12/2010	2.390.500.346	28.064.516	2.418.564.862
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2009	1.246.867.596	-	1.246.867.596
Tại ngày 31/12/2010	5.657.433.134	271.935.484	5.929.368.618

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn phản ánh số dư các khoản vốn góp của Công ty với mục đích nắm giữ dài hạn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã thực hiện đánh giá và khẳng định không phải trích lập dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	179.379.635	198.978.465
Thuế thu nhập cá nhân	981.100.314	87.255.150
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.869.951.184	-
	4.030.431.133	286.233.615

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HÀNG KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	7.500.000.000
Phải trả Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí	-	50.000.000.000
Phải trả Ngân hàng TMCP Đại Dương	-	30.000.000.000
Phải trả Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam (i)	638.000.000.000	-
Phải trả tiền đặt cọc đấu giá	-	248.804.760
Nhà đầu tư nộp tiền mua cổ phiếu, trái phiếu	8.990.802.230	46.882.776.000
Phải trả Sở Giao dịch thanh toán bù trừ 3 ngày cuối năm	4.567.638.000	-
Phải trả, phải nộp khác	4.596.961.277	2.506.606.946
	656.155.401.507	137.138.187.706

- (i) Theo Hợp đồng số 102/2010/PVFC-PSI ngày 22 tháng 10 năm 2010 ký với Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC), Công ty chịu trách nhiệm thu gom trái phiếu với số tiền PVFC đặt cọc. Ngay trong ngày đầu tiên, nếu Công ty không thu gom được, Công ty sẽ phải thực hiện gửi số tiền đặt cọc tại một trong số các ngân hàng thương mại lớn được chỉ định hoặc mua các loại giấy tờ có giá ngắn hạn do các Tổ chức tín dụng phát hành. Vào ngày các tổ chức tín dụng thanh toán lãi tiền gửi cho Công ty, Công ty phải hoàn trả ngay cho PVFC số tiền đặt cọc và lãi tiền gửi của khoản tiền đặt cọc mà PVFC được hưởng với mức lãi suất quy định trong hợp đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư tiền PVFC đặt cọc còn lại là 148 tỷ đồng.

Theo Hợp đồng số 90/2010/PVFC-PSI ngày 16 tháng 9 năm 2010 ký với PVFC, Công ty chịu trách nhiệm thu gom trái phiếu với số tiền PVFC đặt cọc. Nếu không thu gom được, Công ty phải trả PVFC khoản lãi của số tiền đặt cọc với lãi suất quy định tại từng Phụ lục Hợp đồng cho từng đợt giải ngân. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư tiền PVFC đặt cọc còn lại là 490 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
01/01/2010	397.250.000.000	22.000.000.000	257.656.762	2.281.621.815	421.789.278.577
Góp vốn trong năm	112.000.000.000	5.055.378.000	-	-	117.055.378.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	64.929.252.646	64.929.252.646
Trích lập quỹ	-	-	6.492.925.264	(12.217.273.182)	(5.724.347.918)
Chi quỹ	-	-	(10.350.000)	-	(10.350.000)
31/12/2010	<u>509.250.000.000</u>	<u>27.055.378.000</u>	<u>6.740.232.026</u>	<u>54.993.601.279</u>	<u>598.039.211.305</u>

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập với tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế theo như quy định tại Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 01 tháng 02 năm 2000 của Bộ Tài chính quy định tỷ lệ cụ thể là trích lập 5% vào Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và 5% vào Quỹ dự trữ bắt buộc. Việc trích Quỹ khen thưởng phúc lợi được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 với số tiền 1.924.347.918 đồng và tạm trích theo phê duyệt của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty với số tiền 3,8 tỷ đồng.

16. DOANH THU KHÁC

	2010 VND	2009 VND
Doanh thu hoạt động mua bán chứng khoán	6.493.956.547	16.005.203.182
Doanh thu lãi tiền gửi	43.709.828.536	21.708.594.295
Doanh thu ủy thác quản lý danh mục đầu tư, hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn (*)	62.171.225.081	14.689.196.989
Doanh thu khác	6.923.275.606	8.869.233.808
	<u>119.298.285.770</u>	<u>61.272.228.274</u>

(*) Phản ánh phần lãi Công ty thu được từ các hợp đồng ký với các tổ chức và cá nhân trong năm. Hoạt động ủy thác quản lý danh mục đầu tư Công ty chịu rủi ro và hoạt động hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn Công ty hưởng phí cố định không chịu rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	2010 VND	2009 VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	6.314.771.412	8.577.616.441
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	10.323.843.258	107.266.873.638
Chi phí hoạt động tư vấn	5.341.633.894	453.645.780
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	1.997.022.294	6.250.000
Chi phí dự phòng	19.730.446.313	(27.989.630.038)
Chi phí khác (*)	63.764.640.523	34.123.683.200
	107.472.357.694	122.438.439.021

(*) Chi phí khác chủ yếu là chi phí lãi phải trả cho các khoản tiền Công ty nhận ứng trước từ các đối tác để thu gom trái phiếu.

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2010 VND	2009 VND
Lợi nhuận trước thuế	85.675.505.243	2.449.809.367
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	2.690.494.854	(3.175.179.176)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	156.000.000
Thu nhập chịu thuế	82.985.010.389	(569.369.809)
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.746.252.597	-

Trong năm, Công ty đã ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá rằng lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

19. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Ngày 03 tháng 4 năm 2010, Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí tại thành phố Hồ Chí Minh đã ký Hợp đồng thuê nhà tại quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 8.639 USD/tháng. Thời hạn thuê là 5 năm được tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2010 đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2015.

Ngày 10 tháng 02 năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng thuê một phần tòa nhà tại số 18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội với Tổng Công ty Du lịch Hà Nội, để làm trụ sở làm việc với giá thuê 39.425 USD/tháng. Thời hạn thuê là 5 năm kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

20. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG KỲ

CHỈ TIÊU	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010	
	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
1. Chứng khoán tự doanh		
Cổ phiếu	28.326.624	453.660.974.584
2. Chứng khoán của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	446.333.404	14.531.802.377.400
Trái phiếu	10.580.000	1.118.537.951.995
Chứng chỉ quỹ	2.134.230	24.281.606.000
	487.374.258	16.128.282.909.979

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỎ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2010	2009
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	3.350.397.273	-
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	6.689.130.362	-
Chi phí lãi hợp đồng hỗ trợ vốn kinh doanh		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	7.080.750.000	17.033.333.333
Lãi từ tiền đặt cọc theo hợp đồng dịch vụ môi giới mua gom trái phiếu		
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí	1.922.005.926	901.708.333
- Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam	22.991.666.665	-
Phí thu được từ ủy thác đầu tư		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển PVI	6.543.648.438	19.630.593.747
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	2.200.637.460	774.991.126

Sỏ dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Ủy thác quản lý vốn		
- Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	1.600.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển PVI	-	213.625.590.000
Các khoản phải thu		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	7.483.043.398	125.000.000
Các khoản phải trả		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	500.000.000	24.533.333.333
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí	181.295.500	-
- Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam (dư nợ gốc theo hợp đồng thu gom trái phiếu)	638.000.000.000	-
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí	63.000.000	50.901.708.333
Sỏ dư trên tài khoản giao dịch của bên liên quan	271.842.733.448	50.263.823.485
Các khoản vay		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	300.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Hợp đồng thuê nhà số 5582/HĐTN ngày 25/10/2006 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ký với Công ty Cổ phần Thương mại TD thuê tòa nhà số 20 Ngô Quyền và ủy quyền cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí quản lý để làm trụ sở làm việc với thời hạn thuê là 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tiền thuê nhà là 20.000 USD/tháng. Theo hợp đồng thuê nhà, bên đi thuê có trách nhiệm bồi thường cho bên cho thuê với số tiền tương ứng với 1 năm tiền thuê nhà trong trường hợp bên đi thuê hủy hợp đồng thuê trước hạn. Công ty đã dừng thuê từ ngày 01 tháng 5 năm 2010 và bên cho thuê đã đồng ý việc Công ty chấm dứt hợp đồng trước hạn. Tại ngày báo cáo này, Công ty đang thương thảo với bên cho thuê về khoản tiền phạt nêu trên và đã trích trước tiền thuê nhà theo hợp đồng này từ tháng 5 đến tháng 12 năm 2010.

23. KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/BB-ĐHĐCĐ-CKDK ngày 26/5/2010, ngày 26 tháng 5 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua Biên bản họp số 06/BB HĐQT-CKDK về hồ sơ niêm yết cổ phiếu PSI tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và thông qua hồ sơ tăng vốn điều lệ Công ty lên 1.018,5 tỷ đồng. Hiện tại, Công ty đang hoàn tất các thủ tục xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để tiếp tục thực hiện tăng vốn theo sự phê duyệt của Đại hội cổ đông.

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh của Công ty tại ngày 31/12/2008 được trích lập dựa trên giả ước tính có thể giao dịch được. Nếu Công ty ghi nhận khoản dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh theo các quy định hiện hành tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008, lợi nhuận trước thuế của năm 2008 sẽ giảm đi 91.020.634.400 đồng và lợi nhuận trước thuế của năm 2009 (số liệu so sánh) sẽ tăng lên một khoản tương ứng.
